

PHỤ LỤC IX: BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: 1000 đồng/m²

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
1	THÀNH PHỐ VĨNH LONG											
1.8	Phường Trường An			III								
1	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Cái Cam	Cầu Cái Côn		3.150	2.048	1.575	1.103	-	-	-	-
2	Đường tránh Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Tân Quới Đông	ranh huyện Long Hồ		2.250	1.463	1.125	788	-	-	-	-
3	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	vào phía trong 150m		1.200	-	-	-	-	-	-	-
4	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	151m	Cổng số 2		975	-	-	-	-	-	-	-
5	Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Cổng số 2	Cầu Giáo Canh		750	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường Bờ kè sông Cổ Chiên	giáp đường nhựa khóm Tân Vĩnh	Cầu Vàm Chảy		975	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường dẫn vào khu vượt lũ Trường An (ĐH.14)	giáp Hương lộ Trường An (ĐH.11)	Trạm y tế phường		975	-	-	-	-	-	-	-
8	Khu vượt lũ Trường An (GD1)				975	-	-	-	-	-	-	-
9	Khu vượt lũ Trường An (GD2)				975	-	-	-	-	-	-	-
10	Khu nhà ở Công ty Cổ Phần Địa ốc Vĩnh Long				975	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường khóm Tân Quới Đông	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Ông Chín Lùn		900	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường khóm Tân Quới Đông	Cầu Ông Chín Lùn	giáp Cầu Xây		675	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường khóm Tân Quới Đông	Trạm y tế phường	giáp Cầu Xây		675	-	-	-	-	-	-	-
14	Đường khóm Tân Quới Tây	Cầu Xây	giáp Hương lộ Trường An (ĐH.11)		563	-	-	-	-	-	-	-
15	Các tuyến đường nhựa trên địa bàn phường (mặt đường từ 3m)				525	-	-	-	-	-	-	-
16	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (ven các tuyến đường liên khóm đã được đầu tư có mặt đường >1m, kết cấu bằng nhựa, bê tông)				-	-	-	-	-	-	-	450
17	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (không tiếp giáp đường liên khóm)				-	-	-	-	-	-	-	375
1.9	Phường Tân Ngãi			III								
1	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Cái Côn	hết ranh phường Tân Ngãi		3.150	2.048	1.575	1.103	-	-	-	-
2	Đường tránh Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp QL1A hiện hữu	Cầu Tân Quới Đông		2.250	1.463	1.125	788	-	-	-	-
3	Đường Trường An	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp Khu du lịch Trường An		1.350	405	-	-	-	-	-	-
4	Hương lộ 15 phường Tân Ngãi (ĐH.10)	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Cầu Ông Sung		900	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
5	Hương lộ 15 phường Tân Ngãi (ĐH.10)	Cầu Ông Sung	Rạch Ranh		675	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường huyện 11	Cầu Giáo Canh	giáp Hương lộ 15 phường Tân Ngãi (ĐH.10)		675	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường Nguyễn Văn Cung	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	hết Khu tái định cư		1.725	518	431	-	-	-	-	-
8	Khu Tái Định cư Mỹ Thuận (GD1&2)	Các tuyến đường lớn: Đường số 2, 3, 7, 9, 10, 17, 19, 24, 27 và đường số 12 (từ đường Nguyễn Văn Cung - đường số 19)			1.500	450	375	-	-	-	-	-
9	Khu Tái Định cư Mỹ Thuận (GD1&2)	Các tuyến đường nhỏ: các đường còn lại			1.275	383	-	-	-	-	-	-
10	Đường vào khu dịch vụ - công nghệ cao	Giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	hết ranh đất của hộ dân		600	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường vào nhà máy Phân bón	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp nhà máy phân bón		600	-	-	-	-	-	-	-
12	Đường vào Chùa Phật Ngọc - Xá Lợi	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp rạch Bảo Tháp		525	-	-	-	-	-	-	-
13	Đường ra bến Càng	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp đường bờ kè sông Cổ Chiên		2.625	788	656	551	525	459	-	-
14	Đường cấp nhà máy bia	giáp đường ra bến Càng	hết ranh đất của hộ dân		525	-	-	-	-	-	-	-
15	Đường Bờ kè sông Cổ Chiên	Cầu Vàm Cháy	Nhà máy xi măng Việt Hoa		975	-	-	-	-	-	-	-
16	Đường số 1 Khu sinh thái	Cổng khu du lịch Trường An	Cổng Văn Hường		900	-	-	-	-	-	-	-
17	Đường số 2 Khu sinh thái	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	Đường bờ kè sông Cổ Chiên		900	-	-	-	-	-	-	-
18	Đường số 3 Khu sinh thái	Cổng Văn Hường	Đường bờ kè sông Cổ Chiên		600	-	-	-	-	-	-	-
19	Đường Võ Văn Kiệt	giáp Đường tránh Quốc lộ 1 (1A cũ)	hết khu tái định cư Mỹ Thuận (GD1&2)		1.500	450	375	-	-	-	-	-
20	Đường nhựa Tân Quới - Tân Nhơn	Đoạn qua phường Tân Ngãi			525	-	-	-	-	-	-	-
21	Các tuyến đường nhựa trên địa bàn phường (mặt đường từ 3m)				525	-	-	-	-	-	-	-
22	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (ven các tuyến đường liên khóm đã được đầu tư có mặt đường >1m, kết cấu bằng nhựa, bê tông)				-	-	-	-	-	-	-	450
23	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (không tiếp giáp đường liên khóm)				-	-	-	-	-	-	-	375
1.10	Phường Tân Hòa			III								
1	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp ranh phường Tân Ngãi	Cầu Cái Đôi		3.150	2.048	1.575	1.103	-	-	-	-
2	Quốc lộ 80	Cầu Cái Đôi	Cầu Huyền Bảo		2.400	1.560	1.200	840	-	-	-	-
3	Đường vào nhà máy Phân bón	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp nhà máy phân bón		600	-	-	-	-	-	-	-
4	Đường vào Chùa Phật Ngọc - Xá Lợi	giáp Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp rạch Bảo Tháp		525	-	-	-	-	-	-	-

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
5	Đường nhựa Tân Phú - Tân Nhơn	Quốc lộ 80	giáp Cầu Rạch Thâm		750	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường nhựa Tân Phú - Tân Nhơn	giáp Cầu Rạch Thâm	giáp tỉnh Đồng Tháp		600	-	-	-	-	-	-	-
7	Đường nhựa Tân Quới - Tân Nhơn	Quốc Lộ 1 (1A cũ)	giáp ranh phường Tân Ngãi		750	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường nhựa Tân Quới - Tân Nhơn	giáp ranh phường Tân Ngãi	Cầu Đường Cây		525	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường liên phường Tân Hòa, Tân Hội (đường bờ đai)	Đường nhựa Tân Phú - Tân Nhơn	giáp ranh phường Tân Hội		525	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường cầu Tập Đoàn 5 - 6	giáp đường nhựa Tân Phú	Đầu cầu Tập Đoàn 6		525	-	-	-	-	-	-	-
11	Đường Rạch Rô	Đường nhựa Rạch đường Cây (nhà ông Nguyễn Phước Hậu)	Đường nhựa Rạch Rô phường Tân Ngãi, đập Phi Lũ		525	-	-	-	-	-	-	-
12	Các tuyến đường nhựa trên địa bàn phường (mặt đường từ 3m)				525	-	-	-	-	-	-	-
13	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (ven các tuyến đường liên khóm đã được đầu tư có mặt đường >1m, kết cấu bằng nhựa, bê tông)				-	-	-	-	-	-	-	450
14	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (không tiếp giáp đường liên khóm)				-	-	-	-	-	-	-	375
1.11	Phường Tân Hội			III								
1	Quốc lộ 80	Cầu Huyền Báo	giáp ranh tỉnh Đồng Tháp		2.400	1.560	1.200	840	-	-	-	-
2	Đường Mỹ Thuận	giáp Quốc lộ 80	Bến phà cũ - cảng Toàn Quốc		1.650	495	413	-	-	-	-	-
3	Hương lộ 18 (ĐH.12)	giáp Quốc lộ 80	Cầu tập đoàn 7/4		900	-	-	-	-	-	-	-
4	Hương lộ 18 (ĐH.12)	Cầu tập đoàn 7/4	Cầu Mỹ Phú		600	-	-	-	-	-	-	-
5	Hương lộ 18 (ĐH.12)	Cầu Mỹ Phú	Cầu Bà Tành		525	-	-	-	-	-	-	-
6	Đường vào trại giống Cồn giống (ĐH.13)	Trại giống Cồn giống	giáp Quốc lộ 80		600	-	-	-	-	-	-	-
7	Cụm vượt lũ khóm Tân An				525	-	-	-	-	-	-	-
8	Đường dẫn vào cụm vượt lũ khóm Tân An (ĐH15)	Cầu Cái Gia nhỏ	Cụm vượt lũ khóm Tân An		600	-	-	-	-	-	-	-
9	Đường liên phường Tân Hòa, Tân Hội (đường bờ đai)	Cầu Bà Bồng	giáp ranh phường Tân Hòa		525	-	-	-	-	-	-	-
10	Đường từ cầu Mỹ Phú đến cầu Bảy Á	Cầu Mỹ Phú	Cầu Bảy Á		525	-	-	-	-	-	-	-
11	Các tuyến đường nhựa trên địa bàn phường (mặt đường từ 3m)				525	-	-	-	-	-	-	-
12	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (ven các tuyến đường liên khóm đã được đầu tư có mặt đường >1m, kết cấu bằng nhựa, bê tông)				-	-	-	-	-	-	-	450

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
13	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại (không tiếp giáp đường liên xóm)				-	-	-	-	-	-	-	375
3	HUYỆN MANG THÍT											
3.1	Thị trấn Cái Nhum			V								
1	Đường Hùng Vương	Cầu số 8	Cầu số 9		1.170							
2	Đường 3/2	Cầu số 9	giáp đường Nguyễn Trãi		1.650							
3	Đường 3/2	giáp đường Nguyễn Trãi	Cầu Rạch Đôi		1.170							
4	Đường Nguyễn Huệ	Dốc cầu số 9 (cấp sông Cái Nhum) - sông Mang Thít	giáp khóm 3 (đường bờ kè sông Mang Thít)		1.418							
5	Đường Phạm Hùng	Vòng xoay dốc cầu số 9	giáp đường Quảng Trọng Hoàng		1.838							
6	Đường Phạm Hùng	giáp đường Quảng Trọng Hoàng	giáp đường Nguyễn Huệ (hai dãy đối diện nhà lồng chợ Cái Nhum)		2.663							
7	Trung tâm chợ	giáp đường Phạm Hùng (chợ Bún) - sau chùa Ông	giáp đường Quảng Trọng Hoàng		2.288							
8	Đường Lê Minh Nhất	Đường Phạm Hùng	Đường Nguyễn Huệ		975							
9	Đường Quảng Trọng Hoàng	giáp đường Nguyễn Huệ	chợ Nông sản		1.950							
10	Đường Nguyễn Trãi	Đường Quảng Trọng Hoàng	Đường 3/2		2.325							
11	Đường Tỉnh 903 nối dài	Đường tỉnh 907	giáp ranh xã An Phước		585							
12	Đường Lê Lợi	giáp đường Phạm Hùng	giáp đường 3/2 (Bảo hiểm xã hội - đường Nguyễn Trãi)		975							
13	Đường Trần Hưng Đạo	mé sông Cái Nhum	Bệnh viện Đa Khoa Mang Thít		488							
14	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 3/2	Đường Nguyễn Trãi		488							
15	Đường An Dương Vương	Đường 3/2	Đường Nguyễn Trãi		488							
16	Đường Nguyễn Lương Khuê	Đường 3/2	Đường Nguyễn Trãi		488							
17	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường 3/2	Đường Nguyễn Trãi		683							
18	Đường hẻm Quang Mỹ	Khu vực chợ	giáp bờ kè		683							
19	Đường hẻm nhà thuốc Đông Y cũ	Khu vực chợ			488							
20	Đường nội thị	Đường Quảng Trọng Hoàng	Bến phà ngang sông Mang Thít		780							
21	Đường nội thị	giáp đường 3/2 (cây xăng)	giáp đường Trần Hưng Đạo		488							
22	Đường nội ô (Khóm 1 - Thị trấn Cái Nhum)	Giáp đường Nguyễn Trãi	Giáp đường Quảng Trọng Hoàng (giáp khu chợ Mới)		975							
23	ĐH.32B (Đường 30 tháng 4)	Đường Hùng Vương	giáp ranh xã Nhơn Phú		488							
24	Đường trường mầm non Thị trấn Cái Nhum	Trường mầm non	đường Quảng Trọng Hoàng (đối diện Phòng Giáo Dục)		488							
25	Các đường trong Tái định cư Khóm 2				698							
26	Đường tỉnh 907 đoạn qua thị trấn Cái Nhum	Mé Sông Măng Thít	Sông Cái Bát		900							
27	Đường từ cầu Rạch Đôi đến đập Cây Gáo	Cầu Rạch Đôi	Đường tỉnh 903 nối dài (Đập Cây Gáo)		413							

TT	Tên đường và đơn vị hành chính	Đoạn đường /Khu vực		Loại đô thị	Giá đất							
		Từ	Đến		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	Vị trí 6	Vị trí 7	Vị trí còn lại
28	Khu nhà ở Khóm 3, thị trấn Cái Nhum	Đường 3/2	cuối đường nhựa (2 đoạn)		540							
29	Dãy nhà đối diện nhà lồng chợ Nông Sản	Đường Quảng Trọng Hoàng	Công ty cổ phần nước và Môi trường		1.350							
30	Đường tỉnh 903	ranh Xã Bình Phước	Cầu số 8		563							
31	Đường ĐH.31B (Đường 26/3)	giáp ranh xã Bình Phước	giáp ranh xã Nhơn Phú		338							
32	Đường Chín Sãi - An Phước	ĐH.32B	giáp xã An Phước		315							
33	Đường từ Hai Châu - cầu Tân Lập - ĐT 903	ĐH.32B	Đường tỉnh 903		315							
34	Đường Cái Sao - Chánh Thuận	Cầu số 8	Giáp ranh xã Bình Phước		315							
35	Các đường còn lại của Khóm 1, Khóm 2, Khóm 4				488							
36	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại thuộc Khóm 1, Khóm 2, Khóm 4											375
37	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị còn lại thuộc Khóm 3, Khóm 5, Khóm 6											263
8	HUYỆN BÌNH TÂN											
8.1	Thị Trấn Tân Quới	-	-	V								
1	Quốc lộ 54	Giáp ranh xã Thành Lợi	Cầu Chú Bền		1.425	926	713	499				
2	Quốc lộ 54	Cầu Chú Bền	Cầu Tân Quới		1.800	1.170	900	630				
3	Quốc lộ 54	Cầu Tân Quới	Trường Cấp III Tân Quới		1.575	1.024	788	551				
4	Quốc lộ 54	Trường Cấp III Tân Quới	Khu Tái định cư thị Trấn Tân Quới		1.275	829	638	446				
5	Đường huyện 80	Giáp Quốc lộ 54	Cầu Ngã Cạn		1.500							
6	Đường huyện 80	Cầu Ngã Cạn	Cầu kinh Bông Vải		900							
7	Đường nhựa (Đường Chòm Yên)	Giáp Quốc lộ 54	Sông Hậu		1.575							
8	Đường nhựa (Đường từ QL54 đến Trung tâm văn hóa huyện)	Giáp Quốc lộ 54	Cầu Thông Lưu		1.500							
9	Đường nhựa (Đường từ QL54 đến Trung tâm văn hóa huyện)	Cầu Thông Lưu	Đường huyện 80		900							
10	Đường vào Trung Tâm Y tế	Giáp Quốc lộ 54	Đường bê tông Thành Nhân		863							
11	Đường nhựa tuyến DCVL (giai đoạn 2)	Đường huyện 80	Giáp đường dal cặp kinh Bà Giêng		713							
12	Đường nhựa cặp sông Trà Môn	Cầu chợ Tân Quới	Ranh xã Tân Bình		398							
13	Đường chợ Tân Quới	Từ Cầu Bà Mang	Nhà Ống Lợi		1.575							
14	Đường nhựa	Cầu Ngã Cạn giáp Đường huyện 80	Ranh xã Thành Lợi (ấp Thành An)		398							
15	Đường Chợ Đình	Giáp Quốc lộ 54	Sông Trà Môn		450							
16	Khu vực chợ thị Trấn Tân Quới	-	-		2.535							
17	Khu vực chợ Đình	-	-		390							
18	Khu tái định cư Thành Tâm	-	-		450							

[illegible]